

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2024/KDTM-ST
Ngày 23/9/2024
*Về việc “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Ông Hồ Xuân Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-KDTM ngày 28/3/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-DS ngày 08/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST – DS ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P1 (H)

Địa chỉ: Số B Bis N, P. B, Quận A, Tp .H

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim P

Địa chỉ: Số A T, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hữu Đ

Địa chỉ: Số A S, P. E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP P1 đã cho Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng sau:

Theo Hợp đồng tín dụng 06126/18MN/HĐTD ngày 29/03/2018, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 06126/18MN/HĐTD/KUNN/PN/01 ngày 29/03/2018 với số tiền giải Ngân là 1.400.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất 11.4%/năm. Mục đích vay là mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh. Tạm tính đến ngày 23/10/2023 Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L còn nợ tổng số tiền gốc là: 247.371.598 đồng và số tiền nợ lãi là : 56.556.090 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 10,714.218 đồng và lãi quá hạn: 45.841.872 đồng

Theo Hợp đồng tín dụng 20206/20MN/HĐTD ngày 13/07/2020, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 20206/20MN/HĐTD/KUNN02 ngày 21/01/2021 với số tiền giải Ngân là 600.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất 12%/năm, mục đích vay bù đắp Vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây. Tạm tính đến ngày 23/10/2023 Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L còn nợ tổng số tiền gốc là: 288.246.312 đồng và số tiền nợ lãi là: 135.154.539 đồng

Để đảm bảo cho khoản vay trên Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L có thể chấp bằng Tài sản bảo đảm như sau:

Tài sản thế chấp thứ nhất: Xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu DAEWOO theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039480 do Phòng C – Công An tỉnh Đ cấp ngày 26/03/2018, BKS: 47C-185.59 (*Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số 04835/18/HĐBĐ ngày 26/03/2018*)

Tài sản thế chấp thứ 2: Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026937 do Phòng C – Công An tỉnh Đ cấp ngày 20/03/2017, BKS: 47A-183.18 (*Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số 566/19/HĐBĐ ngày 08/01/2019*).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết như đã nêu trên, cụ thể Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L đã vi phạm phương thức, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận khi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi khi đến kỳ hạn thanh toán, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, mời làm việc yêu cầu trả nợ Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 23/10/2023, tổng số tiền mà Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L còn nợ H là 727.009.306 đồng. Trong đó:

Khoản vay thứ nhất: Nợ gốc là: 247.371.598 đồng, T nợ lãi là: 56.556.090 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn: 10.714.218 đồng và nợ lãi quá hạn: 45.841.872 đồng

Khoản vay thứ hai: Nợ gốc là: 288.246.312 đồng, T nợ lãi là:

135.154.539 đồng

Ngân hàng TMCP P1 kính đề nghị Quý Toà giải quyết những vấn đề sau đối với Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L: Buộc Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L1 ngay cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số nợ còn thiếu (gồm nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn) tạm tính đến ngày 23/10/2023 là 727.009.306 đồng, Trong đó: nợ gốc là 535.617.910 đồng và nợ lãi 191.710.629 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 10.714.218 đồng và nợ lãi quá hạn 180.996.411 đồng

Buộc Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký với H kể từ ngày 23/10/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trường hợp Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

**** Bị đơn Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên tòa án không thể tiến hành ghi ý kiến hoặc lấy lời khai của những người này.***

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1.

Buộc Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số nợ gốc là 535.617.910 và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

- Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P1 được quyền yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật gồm những tài sản sau:

Tài sản thế chấp thứ nhất: Xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu DAEWOO theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039480 do Phòng C – Công An tỉnh Đ cấp ngày 26/03/2018, BKS: 47C-185.59, theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số 04835/18/HĐBĐ ngày 26/03/2018.

Tài sản thế chấp thứ hai: Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026937 do Phòng C – Công An tỉnh Đ cấp ngày 20/03/2017, BKS: 47A-183.18, theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số 566/19/HĐBĐ ngày 08/01/2019.

- *Về án phí và chi phí tố tụng khác:* Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu bị đơn – Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L tổng số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 23/10/2023 là 727.009.306 đồng, Trong đó: nợ gốc là 535.617.910 đồng và nợ lãi 191.710.629 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 10.714.218 đồng và nợ lãi quá hạn 180.996.411 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, được quy định khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn – Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đối với Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt những người trên.

[3]. Về nội dung vụ án: Giữa Ngân hàng TMCP P1 (H) và Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L có quan hệ vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng sau: Theo Hợp đồng tín dụng 06126/18MN/HĐTD ngày 29/03/2018, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 06126/18MN/HĐTD/KUNN/PN/01 ngày 29/03/2018 với số tiền giải Ngân là 1.400.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất 11.4%/năm. Mục đích vay là mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh. Tạm tính đến ngày 23/10/2023 Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L còn nợ tổng số tiền gốc là: 247.371.598 đồng và số tiền nợ lãi là: 56.556.090 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 10.714.218 đồng và lãi quá hạn: 45.841.872 đồng; Theo Hợp đồng tín dụng 20206/20MN/HĐTD ngày 13/07/2020, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 20206/20MN/HĐTD/KUNN02 ngày 21/01/2021 với số tiền giải Ngân là 600.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất 12%/năm, mục đích vay bù đắp Vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây. Tạm tính đến ngày 23/10/2023 Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L còn nợ tổng số tiền gốc là: 288.246.312 đồng và số tiền nợ lãi là: 135.154.539 đồng.

Tính đến ngày 23/10/2023, tổng số tiền mà Công ty TNHH dịch vụ và xây

dụng L còn nợ H là **727.009.306 đồng**. Trong đó: Khoản vay thứ nhất: Nợ gốc là: 247.371.598 đồng và nợ lãi là: 56.556.090 đồng (nợ lãi trong hạn: 10.714.218 đồng và nợ lãi quá hạn: 45.841.872 đồng); Khoản vay thứ hai: Nợ gốc là: 288.246.312 đồng và nợ lãi là: 135.154.539 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Xét hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P1 và Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L đều do các bên ký kết tự nguyện, đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật đối với các bên. Quá trình vay vốn do Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L làm ăn thua lỗ và mất khả năng thanh toán nên chưa trả được cho Ngân hàng TMCP P1 khoản nợ gốc 535.617.910 đồng, mặc dù đã được Ngân hàng TMCP P1, yêu cầu trả nợ nhiều lần. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phải trả số tiền nợ gốc 535.617.910 đồng là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

3.2. Về lãi suất cho vay: Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất tại thời điểm vay trong hợp đồng tín dụng cụ thể khoản vay thứ nhất là: **11.4%/năm**; lãi quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn; Lãi chậm trả: 10%/năm. khoản vay thứ hai là: **12%/năm**; lãi quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn; Lãi chậm trả: 10%/năm. Xét thấy, đây là sự tự nguyện giữa Ngân hàng và Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phù hợp với khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

Xét đến ngày 23/10/2024 Ngân hàng TMCP P1 buộc Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phải trả toàn bộ khoản tiền lãi nợ lãi 191.710.629 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 10.714.218 đồng và nợ lãi quá hạn 180.996.411 đồng) có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

3.3. Đối với tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L có thể chấp bằng Tài sản bảo đảm như sau:

- *Tài sản thế chấp thứ nhất:* Xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu DAEWOO theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039480 do Phòng C – Công An tỉnh Đ cấp ngày 26/03/2018, BKS: 47C-185.59. Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số 04835/18/HĐBĐ ngày 26/03/2018.

- *Tài sản thế chấp thứ hai:* Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026937 do Phòng C – Công An tỉnh Đ cấp ngày 20/03/2017, BKS: 47A-183.18. Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số 566/19MN/HĐBĐ ngày 08/01/2019.

Xét hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết đã được công chứng theo quy định của pháp luật được đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp.H, xét thỏa thuận và hợp đồng này là đều do các bên tự nguyện thỏa thuận và lập thành bằng văn bản được công chứng theo quy định của pháp luật, đồng thời các bên đều không có ý kiến đối với tài sản thế chấp này. Vì vậy,

trong trường hợp Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thành phố B kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp ở trên để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

4.1. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn – Ngân hàng TMCP P1 không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.540.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2023/0009692 ngày 25/3/2024.

Bị đơn – Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với tổng số tiền còn nợ 727.328.602 đồng cụ thể là: 20.000.000 đồng + [(727.328.602 đồng – 400.000.000 đồng) x 4%] = 33.093.144 đồng.

4.2. Về chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng TMCP P1 không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sau khi thu được lại từ Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật của các tổ chức tín dụng.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1.

Buộc Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP P1 với tổng số tiền là: **727.009.306 đồng**, Trong đó: Nợ gốc là 535.617.910 đồng và nợ lãi 191.710.629 đồng (Trong đó nợ lãi trong hạn là 10.714.218 đồng và nợ lãi quá hạn 180.996.411 đồng) tính đến ngày 23/10/2023.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 24/10/2023 Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P1, được quyền yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật gồm những tài sản sau:

2.1. Tài sản thế chấp thứ nhất: Xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu DAEWOO theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039480 do Phòng C – Công An tỉnh Đ cấp ngày 26/03/2018, BKS: 47C-185.59, theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số 04835/18/HĐBD ngày 26/03/2018.

2.2. Tài sản thế chấp thứ hai: Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026937 do Phòng C – Công An tỉnh Đ cấp ngày 20/03/2017, BKS: 47A-183.18, theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số 566/19/HĐBD ngày 08/01/2019.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí:

Bị đơn – Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phải chịu 33.093.144 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP P1 không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.540.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buon Ma Thuot theo biên lai số AA/20231/0009692 ngày 25/3/2024.

3.2. Về chi phí tố tụng khác:

Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng TMCP P1 không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sau khi thu được lại từ Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng L.

Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ, TA.

Y Kam Ênuôl